

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch xây dựng Bê tông hóa
đường giao thông nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh (lần 2)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hoá đường GTNT năm 2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4012/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch xây dựng Bê tông hoá đường GTNT năm 2020 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 121/TTr-SGTVT ngày 31/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa đường GTNT năm 2020 trên địa bàn tỉnh

TT	Loại đường	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung	
1	A	21,056	18,668	4.106,960
2	B	308,805	309,245	52.571,650
3	C	230,280	201,760	22.193,600
4	D	142,805	121,413	10.927,170
Tổng cộng		702,946	651,086	89.799,380

Trong đó, chi tiết từng loại đường gồm có:

a. Đường GTNT loại A

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
1	Hoài Nhơn	6,239	4,027	885,940	Điều chỉnh giảm
2	An Lão	-	-	-	-
3	Hoài Ân	0,300	0,300	66,000	Giữ nguyên
4	Tây Sơn	5,486	5,486	1.206,920	Giữ nguyên
5	Vĩnh Thạnh	-	-	-	-
6	An Nhơn	4,489	4,413	970,860	Điều chỉnh giảm
7	Phù Cát	2,470	2,500	550,000	Điều chỉnh tăng
8	Vân Canh	0,047	0,047	10,340	Giữ nguyên
9	Phù Mỹ	0,772	0,642	141,240	Điều chỉnh giảm
10	Tuy Phước	0,903	0,903	198,660	Giữ nguyên
11	Quy Nhơn	0,350	0,350	77,000	Giữ nguyên
Tổng cộng		21,056	18,668	4.106,960	

b. Đường GTNT loại B:

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
1	Hoài Nhơn	40,773	37,873	8.332,060	Điều chỉnh giảm
2	An Lão	17,367	17,795	3.914,900	Điều chỉnh tăng
3	Hoài Ân	15,417	13,528	2.976,160	Điều chỉnh giảm
4	Tây Sơn	47,517	51,288	11.283,360	Điều chỉnh tăng
5	Vĩnh Thạnh	13,724	13,724	3.019,280	Giữ nguyên
6	An Nhơn	76,544	75,148	16.532,560	Điều chỉnh giảm
7	Phù Cát	34,594	37,555	8.262,100	Điều chỉnh tăng
8	Vân Canh	16,469	15,162	3.335,640	Điều chỉnh giảm
9	Phù Mỹ	36,535	39,322	8.650,840	Điều chỉnh tăng
10	Tuy Phước	9,865	7,850	1.727,000	Điều chỉnh giảm
11	Quy Nhơn	-	-	-	-
Tổng cộng		308,805	309,245	68.033,900	

c. Đường GTNT loại C:

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
1	Hoài Nhơn	43,822	37,299	8.205,780	Điều chỉnh giảm
2	An Lão	2,721	2,546	560,120	Điều chỉnh giảm
3	Hoài Ân	1,821	1,326	291,720	Điều chỉnh giảm
4	Tây Sơn	50,030	51,576	11.346,720	Điều chỉnh tăng
5	Vĩnh Thạnh	-	-	-	-
6	An Nhơn	13,089	13,131	2.888,820	Điều chỉnh tăng
7	Phù Cát	43,339	32,398	7.127,560	Điều chỉnh giảm
8	Vân Canh	0,426	0,426	93,720	Giữ nguyên
9	Phù Mỹ	59,128	49,955	10.990,100	Điều chỉnh giảm
10	Tuy Phước	15,904	13,103	2.882,660	Điều chỉnh giảm
11	Quy Nhơn	-	-	-	-
Tổng cộng		230,280	201,760	44.387,200	

d. Đường GTNT loại D:

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
1	Hoài Nhơn	26,770	22,278	4.901,160	Điều chỉnh giảm
2	An Lão	2,192	2,192	482,240	Giữ nguyên
3	Hoài Ân	10,264	9,186	2.020,920	Điều chỉnh giảm
4	Tây Sơn	10,661	10,661	2.345,420	Giữ nguyên
5	Vĩnh Thạnh	0,360	0,360	79,200	Giữ nguyên
6	An Nhơn	16,437	16,157	3.554,540	Điều chỉnh giảm
7	Phù Cát	38,123	30,324	6.671,280	Điều chỉnh giảm
8	Vân Canh	-	-	-	-
9	Phù Mỹ	18,977	15,860	3.489,200	Điều chỉnh giảm
10	Tuy Phước	19,021	14,395	3.166,900	Điều chỉnh giảm
11	Quy Nhơn	-	-	-	-
Tổng cộng		142,805	121,413	26.710,860	

(Chi tiết có các Phụ lục kèm theo).

2. Gia hạn thời gian thực hiện Kế hoạch bê tông hoá đường GTNT năm 2020 trên địa bàn tỉnh đến hết quý I năm 2021. Kết thúc kế hoạch năm 2020, UBND các huyện, thị xã và thành phố phải có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Các nội dung khác không điều chỉnh vẫn thực hiện theo Quyết định số

949/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 và Quyết định số 4012/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 và 4012/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty cổ phần BICEM;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.(M.30b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
VIII	Phường Hoài Tân			7,645	-	1,745	-	5,900			2,800	-	-	-	2,800	
1	BT các tuyến đường thôn Đệ Đức 1							1,50							1,00	Giảm chiều dài
2	BT các tuyến đường thôn Đệ Đức 2							1,20							0,70	Giảm chiều dài
3	BT các tuyến đường thôn Đệ Đức 3							0,70							0,10	Giảm chiều dài
4	BT các tuyến đường thôn Giao Hội 1							1,00							0,50	Giảm chiều dài
5	BT các tuyến đường thôn Giao Hội 2							1,50							0,50	Giảm chiều dài
6	LM, BT các tuyến đường từ ngõ Đôi X3 đến ngõ Bườn X2 thôn Giao Hội 1	Ngõ Đôi	Ngõ Bườn			1,045							0,000			Không thực hiện
7	BT tuyến đường ĐT638 đến mương Lầu thôn Đệ Đức 1	ĐT638	mương Lầu			0,45							0,000			Không thực hiện
8	BT tuyến khu dân cư thôn Đệ Đức 3					0,25							0,000			Không thực hiện
IX	Xã Hoài Phú			1,900	-	1,900	-	-			3,146	-	2,905	0,125	0,116	
1	Tuyến từ ngõ Tài đến ngã 3					0,080								0,125		Tăng chiều dài và chuyển từ B sang C
2	Tuyến đường thôn Mỹ Bình 3					0,819							0,749			Giảm chiều dài
3	Tuyến đường xóm 9-Mỹ Bình 2					1,001							0,881			Giảm chiều dài
4	Tuyến từ ngõ Tài đến ngõ Hàm												0,140			Bổ sung
5	Tuyến ngõ Thảo đến ngõ Thịnh														0,037	Bổ sung
6	Tuyến ngõ Sơn đến ngõ Mẫn														0,079	Bổ sung
7	Ngõ Hào đến ngõ Bé												0,15			Bổ sung
8	Tuyến từ đường 2 đến ngõ Thảo												0,22			Bổ sung
9	Ngõ Vinh đến nghĩa địa bắc đập Gấm												0,65			Bổ sung
10	Ngõ Dũng đến trường xóm 11												0,11			Bổ sung
X	Xã Hoài Mỹ			1,927	-	-	1,664	0,263			-	-	-	-	-	

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
1	Ngõ Thịnh đến ngõ Tin	Ngõ Thịnh	Ngõ Tin					0,263								Không thực hiện
2	Đường liên gia nhà Tàu - nhà Bỏ	Nhà Tàu	Nhà Bỏ				1,664									Không thực hiện
XI	Xã Hoài Hải			0,080	-	-	0,050	0,030			-	-	-	-	-	
1	Tuyến đường: Từ nhà ông Vân đến giáp đường BB-DQ	Nhà ông Vân	BB-DQ					0,030								Không thực hiện
2	Tuyến đường: Từ nhà ông Sơn đến giáp đường BT xã	Nhà ông Sơn	BT xã				0,050									Không thực hiện
XII	Hoài Châu Bắc															
XIII	Tam Quan Bắc															
XIV	Tam Quan Nam			2,212	2,212	-	-	-			-	-	-	-	-	
1	Tuyến đường từ ngã ba cầu Cộng Hòa (Cứu Lợi Nam) - Nhánh giữa Kho	Ngã ba cầu cộng Hòa	Nhánh Giữa kho		1,452											Không thực hiện
2	Tuyến đường từ ngã tư ông Hiến - giáp thôn Bình Phú, xã Hoài Thanh Tây	Ngã tư ông Hiến	Giáp thôn Bình Phú, HTT		0,560											Không thực hiện
3	Tuyến đường từ ngã tư ông Hiến - Ngã ba ông Tranh	Ngã tư ông Hiến	Ngã ba ông Tranh		0,200											Không thực hiện
XV	Phường Hoài Hương			0,160	-	0,160	-	-			0,510	-	0,510	-	-	
1	Đoạn từ nhà ông Tây đến nhà ông Dư và đoạn nhánh (Thiện Đức)	Nhà Tây	Nhà Dư		-	0,160							-			Không thực hiện
2	Tuyến đường nhà ông Họa đến nhà ông Hồ (Thiện Đức)								Nhà Họa	Nhà Hồ			0,510			Bổ sung
XVI	Phường Tam Quan															
XVII	Phường Bồng Sơn															
Tổng cộng				24,020	2,212	6,710	7,543	7,555			7,893	-	3,810	1,020	3,063	

PHỤ LỤC 02

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020 - HUYỆN AN LÃO (LẦN 02)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	Xã An Hòa			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
II	XÃ AN TÂN			0,047	-	0,047	-	-			-	-	-	-	-	
	Thôn Thanh Sơn															
1	Đoạn từ nhà ông Rạng - Nghĩa địa thôn Thanh Sơn	Nhà ông Rạng	Nghĩa địa			0,047							-			Không thực hiện
III	Xã An Quang			0,500	-	0,500	-	-			0,270	-	0,270	-	-	
1	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ khu giãn dân thôn 3, thôn 4 đến đồng mây (đoạn nối tiếp)	Cuối đường bê tông	Đồng mây			0,500			Cuối đường bê tông	Đồng mây			0,270			Giảm chiều dài
IV	Xã An Nghĩa			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
V	Xã An Toàn			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VI	Xã An Hưng			0,295	-	0,120	0,175	-			-	-	-	-	-	
	Thôn 1															
1	BTGTNT từ nhà ông Nhiêm đến ông Lộc T1	Đường thôn	Nhà ông Nhiêm				0,035							-		Không thực hiện
2	BTGTNT từ nhà ông Bó đến đường thôn (Tuyến 1)	Đường thôn	Nhà ông Bó			0,070							-			Không thực hiện
3	BTGTNT từ nhà ông Bó đến đường thôn (Tuyến 4)	Đường thôn	Đường 5B				0,070							-		Không thực hiện
4	BTGTNT tuyến đường thôn đến nhà ông Nít	Đường thôn	Nhà ông Nít				0,070							-		Không thực hiện
	Thôn 2															
5	BT GTNT tuyến từ đường thôn đến nhà ông Lê	Đường thôn	Đường 5B			0,050							-			Không thực hiện
VII	Xã An Trung			-	-	-	-	-			1,650	-	1,650	-	-	
1	Nâng cấp mở rộng đường nội bộ xã An Trung								Làng nước loi	Làng Đồng phê			1,650			Bổ sung
VIII	Xã An Vinh			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
IX	Thị trấn An Lão			-	-	-	-	-			0,138	-	0,138	-	-	
	Thôn 7															
1	Đường BTGT nông thôn thôn 7								Nhà bà Điệp	Giáp sông			0,138			Bổ sung

X	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện			1,420	-	1,420	-	-			0,457	-	0,457	-	-	
1	Đường giao thông nội đồng ruộng Ram (Từ nối tiếp đến cuối đoạn)	Nối tiếp BT tuyến đường chính hiện có	Tại Km2+420			1,420							-			Không thực hiện
2	Xây dựng đường mặt đê BTXM								Cầu An Lão	Giáp mặt đê			0,457			Bổ sung
Tổng cộng				2,262	-	2,087	0,175	-			2,515	-	2,515	-	-	

PHỤ LỤC 03**CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020 - HUYỆN HOÀI ÂN (LẦN 02)***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	Xã Ân Hảo Tây			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
II	Xã Ân Hảo Đông			1,160	-	1,000	-	0,160			1,082	-	0,971	-	0,111	
1	Tuyến từ ĐT 629 đến nhà ông Nguyễn Mùi	ĐT 629	Nhà ông Mùi					0,100							0,055	Giảm chiều dài
2	Tuyến từ ĐT 629 đến nhà ông Đức	ĐT 629	Nhà ông Đức					0,060							0,056	Giảm chiều dài
3	Tuyến từ nhà ông Ca đến bãi rác Sừng Bông	Nhà ông ca	Bãi rác Sừng Bông			1,000							0,971			Giảm chiều dài
III	Xã Ân Đức			1,260	-	0,825	0,435	-			-	-	-	-	-	
1	Tuyến từ nhà ông Bay đến nhà ông Vi	Nhà ông Bay	Nhà ông Vi				0,130							-		Không thực hiện
2	Tuyến từ nhà ông Biên đến nhà ông Tài	Nhà ông Biên	Nhà ông Tài				0,125							-		Không thực hiện
3	Tuyến từ nhà ông Mạnh đến Nghĩa địa	Nhà ông Mạnh	Nghĩa địa			0,400							-			Không thực hiện
4	Tuyến từ nhà cửa nhà ông Lát đến nghĩa địa	Nhà ông Lát	Nghĩa địa			0,425							-			Không thực hiện
5	Tuyến từ đường BT Chính đến nhà ông Thắng	Đầu đường BT	Nhà ông Thắng				0,180							-		Không thực hiện
IV	Xã Ân Phong			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
V	Xã Ân Tường Đông			1,000	-	0,170	0,060	0,770			0,141	-	-	-	0,141	
1	BTXM từ nhà ông Toàn đến nhà bà Lợi	Nhà ông Toàn	Nhà ông Lợi			0,170							-			Không thực hiện
2	BTXM từ nhà ông Dư đến nhà ông Châu	Nhà ông Dư	Nhà ông Châu					0,057							-	Không thực hiện
3	BTXM từ nhà bà Thái đến nhà ông Tuấn	Nhà bà Thái	Nhà ông Tuấn				0,060							-		Không thực hiện
4	BTXM từ nhà ông Sắn đến nhà ông Sơn	Nhà ông Sắn	Nhà ông Sơn					0,082							-	Không thực hiện
5	Đường liên xã đến nhà ông Phan Văn Thịnh	Đường liên xã	Nhà ông Thịnh					0,056							0,043	Giảm chiều dài
6	BTXM từ nhà ông Dũng đến nhà bà Nghĩa	Nhà ông Dũng	Nhà bà Nghĩa					0,055							0,051	Giảm chiều dài
7	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Phiên	Đường bê tông	Nhà ông Phiên					0,520							0,047	Giảm chiều dài
VI	Xã Ân Hữu			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VII	TT. Tăng Bạt Hổ			0,550	-	0,500	-	0,050			-	-	-	-	-	
1	Tuyến từ đường xóm đến nhà ông Ba	Đường xóm	Nhà ông Ba					0,050							-	Không thực hiện
2	Tuyến vào nghĩa trang nhân dân thị trấn	Đường Lê Quý Đôn	Nghĩa địa			0,500							-			Không thực hiện
VIII	Xã Ân Nghĩa			0,290	-	0,290	-	-			-	-	-	-	-	

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
1	Tuyến từ nhà cộng đồng đến đồng Lớn	Nhà cộng đồng	Đồng Lớn			0,290							-			Không thực hiện
IX	Xã Ân Tín			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
X	Xã Ân Tường Tây			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XI	Xã Ân Mỹ			0,350	-	-	-	0,350			-	-	-	-	-	
1	Từ đường Bê tông đến nhà ông Nguyễn Ngọc Sơn	Bê tông	Nhà ông Sơn					0,060								- Không thực hiện
2	Từ đường Bê tông đến nhà ông Nguyễn Thành Tánh	Bê tông	Nhà ông Tánh					0,065								- Không thực hiện
3	Từ đường Bê tông đến nhà ông Nguyễn Văn Mai	Bê tông	Nhà ông Mai					0,080								- Không thực hiện
4	Từ đường Bê tông đến nhà ông Tô Xuân Thái	Bê tông	Nhà ông Thái					0,055								- Không thực hiện
5	Từ đường Bê tông đến nhà ông Nguyễn Thanh Tường	Bê tông	Nhà ông Tường					0,090								- Không thực hiện
XII	Xã Ân Thạnh			0,075	-	0,075	-	-			-	-	-	-	-	
1	Tuyến từ đường xã đến di tích Quân khu 5	Đường xã	Di tích Quân khu 5			0,075							-			Không thực hiện
Tổng cộng				4,685	-	2,860	0,495	1,330			1,223	-	0,971	-	0,252	

PHỤ LỤC 04

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020 - HUYỆN TÂY SƠN (LẦN 02)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ BÌNH NGHI			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
II	XÃ TÂY XUÂN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
III	XÃ TÂY PHÚ			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
IV	XÃ VĨNH AN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
V	XÃ BÌNH TUƠNG			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VI	XÃ TÂY GIANG			-	-	-	-	-			2,090	-	2,090	-	-	
1	Từ BTXM đến nhà ông Mỹ thôn Nam Giang								đường BTXM	nhà ông Mỹ			0,720			Bổ sung
2	Từ BTXM đến Bờ sông thôn Thượng Giang 2								đường BTXM	bờ sông			0,110			Bổ sung
3	Từ BTXM đến Bờ kè								đường BTXM	bờ kè			1,260			Bổ sung
VII	XÃ TÂY THUẬN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VIII	XÃ BÌNH THÀNH			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
IX	XÃ BÌNH HÒA			0,510	-	-	0,510	-			-	-	-	-	-	
1	Cạnh Bườn đến Cao Chi						0,260							-		Không thực
2	Nguyễn Văn Thuận - Hốt cát lò rèn						0,250							-		Không thực
X	XÃ BÌNH TÂN			-	-	-	-	-			3,737	-	1,681	2,056	-	
1	Đường từ ngã 3 đến Điểm Trường Mầm Non Thuận Ninh								Ngã 3	Điểm Trường Mầm Non Thuận Ninh			0,127			Bổ sung
2	Đường từ ngã 3 đến Nghĩa địa thôn An Hội								Ngã 3	Nghĩa địa thôn An Hội			0,237			Bổ sung
3	Bê tông đường từ nhà ông Trần Văn Duy đến nhà ông Nguyễn Duy Gắn								Nhà ông Trần Văn Duy	Nhà ông Nguyễn Duy Gắn			0,270			Bổ sung
4	Đường từ ngã 3 đến nhà ông Tiến, Thành, bà Thì								Ngã 3	Nhà ông Tiến, Thành, bà Thì			0,351			Bổ sung
5	Đường từ khu quy hoạch dân cư đến Nghĩa địa thôn Phú Hưng								Khu quy hoạch dân cư	Nghĩa địa thôn Phú Hưng			0,696			Bổ sung
6	Đường từ kênh mương đến nhà ông Nguyễn Luân								Kênh mương	Nhà ông Nguyễn Luân				0,135		Bổ sung

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
7	Bê tông đường từ nhà ông 5 Trung đến Gò Vén								Nhà ông 5 Trung	Gò Vén				0,150		Bổ sung
8	Đường đặc thù xóm Đình Thuận Ninh													0,166		Bổ sung
9	Đường từ ngã 3 đến nhà ông Cần								Ngã 3	Nhà ông Cần				0,230		Bổ sung
10	Đường ngõ nhà ông Trần Ngọc Tự, Võ Thị Phương, Võ Tín, Hồ Đức Quý, Nguyễn Thanh Lâm													0,247		Bổ sung
11	Đường ngõ nhà bà Điều, Nhung, Phượng, ông Thanh, Vạng, Tùng, Đậm													0,283		Bổ sung
12	Đường từ nhà ông Phạm Văn Minh đến nhà ông Trần Bá Đang, Trần Văn Thành								Nhà ông Phạm Văn Minh	Nhà ông Trần Bá Đang, Trần Văn Thành				0,348		Bổ sung
13	Đường từ trụ sở thôn đến nhà ông Chũ								Trụ sở thôn	Nhà ông Chũ				0,350		Bổ sung
14	Đường ngõ nhà ông Nguyễn Dũng, Lê Thanh Aï													0,147		Bổ sung
XI	XÃ BÌNH THUẬN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XII	XÃ TÂY VINH			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XIII	XÃ TÂY BÌNH			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XIV	XÃ TÂY AN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XV	THỊ TRẤN PHÚ PHONG			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
Tổng cộng				0,510	-	-	0,510	-			5,827	-	3,771	2,056	-	

PHỤ LỤC 5**CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020 - HUYỆN TUY PHƯỚC (LẦN 02)***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	Xã Phước Quang			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
II	Xã Phước Thắng			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
III	Xã Phước Hòa			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
IV	Xã Phước Sơn			7,564	-	1,076	3,704	2,784			4,898	-	-	2,414	2,484	
1	BTXM thôn Dương Thiện	Nhà bà Hội	Xóm 15				0,380		Nhà bà Hội	Xóm 15				0,376		Giảm chiều dài
2	BTXM thôn Dương Thiện	NVH thôn	Cầu xóm 15			0,800										Không thực hiện
3	BTXM xóm 1 Phụng Sơn	Nhà 3 Anh	Nhà ông Điều				0,717		Nhà 3 Anh	Nhà ông Điều				0,478		Giảm chiều dài
4	BTXM xóm 6+7 Kỳ Sơn	BTXM	Nội xóm				0,214		BTXM	Nội xóm				0,151		Giảm chiều dài
5	BTXM xóm 8+10 Kỳ Sơn	BTXM	Nội xóm				0,501		BTXM	Nội xóm				0,447		Giảm chiều dài
6	BTXM xóm 13 Lộc Trung	BTXM	Nhà ông Thái					0,039	BTXM	Nhà ông Thái					0,035	Giảm chiều dài
7	BTXM xóm 19 Vinh Quang 2	BTXM	Nhà Ngọc+Bổn+Trường					0,115	BTXM	Nhà Ngọc+Bổn+Trường					0,109	Giảm chiều dài
8	BTXM xóm 22 Vinh Quang 2	Nhà ông Tùng	Nguyễn Ngọt+Phượng					0,150	Nhà ông Tùng	Nguyễn Ngọt+Phượng					0,085	Giảm chiều dài
9	BTXM xóm 21 Vinh Quang 2	Nhà ông Liễn	Bộng thoát nước+Nội xóm				0,108		Nhà ông Liễn	Bộng thoát nước+Nội xóm				0,096		Giảm chiều dài
10	BTXM xóm 1 Mỹ Trung	TL 640	Nhà ông Tiền				0,484		TL 640	Nhà ông Tiền				0,414		Giảm chiều dài
11	BTXM xóm 2 Mỹ Trung	BTXM	Nhà chín Anh				0,282		BTXM	Nhà chín Anh				0,186		Giảm chiều dài
12	BTXM xóm 3 Mỹ Cang	Nhà Hảo+Sáu	Nhà Hương+Tám+Giai+Toàn					0,260	Nhà Hảo+Sáu	Nhà Hương+Tám+Giai+Toàn					0,255	Giảm chiều dài
13	BTXM xóm 4 Mỹ Cang	Nhà Quyên+Ấn	Nhà Bắc+Thành					0,170	Nhà Quyên+Ấn	Nhà Bắc+Thành					0,096	Giảm chiều dài
14	BTXM xóm 5 Xuân Phương	BTXM	Nhà ông Nhân					0,263	BTXM	Nhà ông Nhân					0,247	Giảm chiều dài
15	BTXM xóm 8+9 Xuân Phương	Nhà ông Tuyển	Nội xóm 8+9					0,624	Nhà ông Tuyển	Nội xóm 8+9					0,570	Giảm chiều dài
16	BTXM xóm 10 Lộc Thượng	BTXM đi Mỹ Trung	Nhà ông Giai					0,221	BTXM đi Mỹ Trung	Nhà ông Giai					0,212	Giảm chiều dài
17	BTXM xóm 12 Lộc Thượng	BTXM Nội xóm	Nhà ông Tri				0,281		BTXM Nội xóm	Nhà ông Tri				0,266		Giảm chiều dài

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
18	BTXM xóm 15 Dương Thiện	Nhà bà Lang	Nhà ông Đức					0,335	Nhà bà Lang	Nhà ông Đức					0,286	Giảm chiều dài
19	BTXM xóm 15 Dương Thiện	Nhà bà Bốn	Nhà bà Mến					0,268	Nhà bà Bốn	Nhà bà Mến					0,263	Giảm chiều dài
20	BTXM xóm 15 Dương Thiện	Nhà ông Dũng	Nhà bà Lang					0,185	Nhà ông Dũng	Nhà bà Lang					0,176	Giảm chiều dài
21	BTXM xóm 13+14 Dương Thiện	Nhà ông Quang	Nhà ông Châu					0,154	Nhà ông Quang	Nhà ông Châu					0,150	Giảm chiều dài
22	BTXM thôn Xuân Phương	TL 640	Kênh TX 6			0,276							-			Không thực hiện
23	BTXM thôn Lộc Thượng	Nhà ông Ba	Cầu Cụt				0,737							-		Không thực hiện
V	Xã Phước Nghĩa			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VI	Xã Phước Lộc			0,708	-	-	0,580	0,128			0,543	-	-	0,417	0,126	
	Thôn Đại Tín															
1	Đường xóm Tín Hiệp	Đường BTXM (nhà ông Ánh)	Nhà ông Nguyễn Văn Sáu				0,208		Đường BTXM (nhà ông Ánh)	Nhà ông Nguyễn Văn Sáu				0,206		Giảm chiều dài
2	Đường xóm Tín Hiệp	Đường BTXM (nhà ông Thành)	Nhà ông Nguyễn Công Phụng					0,128	Đường BTXM (nhà ông Thành)	Nhà ông Nguyễn Công Phụng					0,126	Giảm chiều dài
	Thôn Trung Thành									-	-	-	-			
3	Đường vào xóm Chùa	Cổng Xi Phong	Dưới nhà ông Lộc				0,372		Cổng Xi Phong	Dưới nhà ông Lộc				0,211		Giảm chiều dài
VII	TT Tuy Phước			0,075	-	-	0,075	-			-	-	-	-	-	
	Khu phố Công Chánh															
1	Xây dựng đường BTXM tuyến từ đường Võ Trứ đến nhà ông Đoàn Công Quyền khu phố Công Chánh	Võ Trứ	Đoàn Công Quyền				0,075							-		Không thực hiện
VIII	TT Diêu Trì			0,550	-	0,070	-	0,480			0,303	-	-	-	0,303	
1	Đường BTXM GTNT, tuyến từ nhà ông Miên - nhà ông Mẫn	Nhà ông Miên	Nhà ông Mẫn					0,130	Nhà ông Miên	Nhà ông Mẫn					0,124	Giảm chiều dài
2	BTXM- nhà ông Hữu	BTXM	Nhà ông Hữu					0,110	BTXM	Nhà ông Hữu					0,108	Giảm chiều dài
3	BTXM - nhà ông Nhị	BTXM	Nhà ông Nhị					0,095	BTXM	Nhà ông Nhị					0,071	Giảm chiều dài
4	BTXM - nhà bà Đay	BTXM	Nhà bà Đay					0,145								Không thực hiện
5	Nhà ông Hòa - Cầu sông Đục	Nhà ông Hòa	Cầu sông Đục			0,070										Không thực hiện
IX	Xã Phước An			2,117	-	1,198	0,035	0,884			0,813	-	0,813	-	-	
1	BTXM - Nghĩa địa Gò Tra	BTXM	Nghĩa địa Gò Tra			1,000			BTXM	Nghĩa địa Gò Tra			0,813			Giảm chiều dài
2	Ngõ 3 Lang - Ngõ Tín thôn An Sơn 2	Ngõ Lang	Ngõ Tín					0,122							-	Không thực hiện

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
3	Ngã tư ngõ Trùng - ngõ 9 Chinh thôn An Sơn 2	Ngõ Trùng	Ngõ Chinh				0,035							-		Không thực hiện
4	Ngõ Long - ngõ Đầu thôn An Sơn 2	Ngõ Long	Ngõ Đầu					0,095							-	Không thực hiện
5	Ngõ 5 Hưng - ngõ 8 Bình thôn An Sơn 2	Ngõ Hưng	Ngõ Bình					0,145							-	Không thực hiện
6	Ngõ 4 Râu - ngõ Danh thôn An Sơn 2	Ngõ Râu	Ngõ Danh					0,078							-	Không thực hiện
7	Ngõ Danh - Ngõ 6 Bính thôn An Sơn 2	Ngõ Danh	Ngõ Bính					0,199								Không thực hiện
8	Ngõ Phong - Ngõ Chờ thôn Ngọc Thanh 2	Ngõ Phong	Ngõ Chờ					0,215							-	Không thực hiện
9	Quốc lộ 19C - Ngõ Linh thôn Ngọc Thanh 2	Quốc lộ 19C	Ngõ Linh			0,198							-			Không thực hiện
10	Ngõ Đông - Ngõ Em thôn Ngọc Thanh 2	Ngõ Đông	Ngõ Em					0,030							-	Không thực hiện
X	Xã Phước Thành			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XI	Xã Phước Hưng			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XII	Xã Phước Hiệp			4,985	-	0,484	1,238	3,263			-	-	-	-	-	
	Thôn Đại Lễ															
1	Từ nhà Vinh đến nhà nhân, thủy Lợi	Đường Bê tông	Nhà Lâm				0,440							-		Không thực hiện
	Thôn Luật Chánh															
2	Từ 6 Dâng đến nhà Thân Cảnh, Bầy, Hạnh, Hơ, Đào, Hiền, Công	6 Dâng	Nhà Cảnh					0,180							-	Không thực hiện
3	Từ nhà Tuấn Hùng đến nhà Liên, nhà Dũng đến nhà Bầy, Dự	Nhà Tuấn Hùng	Nhà Liên					0,150							-	Không thực hiện
4	Từ nhà Xin đến nhà Dự, Hùng, Cảnh, Kinh, Dũng, Nhà Bầy	Nhà Xin	Nhà Bầy				0,200							-		Không thực hiện
5	Đường Bê Tông đến Nhà Hồng, Long, Giới, Trúc	Đường Bê Tông	Nhà Trúc					0,353							-	Không thực hiện
6	Đường Bê Tông đến Nhà Trà, Nhà Đông	Đường Bê Tông	Nhà Đông				0,428							-		Không thực hiện
7	Từ nhà Quốc đến nhà Thương	Nhà Quốc	Nhà Thương				0,065							-		Không thực hiện
8	Từ nhà Mười đến nhà Tiến, Hùng, Sanh, Phương, Sơn, Quang, Vinh, Thương	Nhà Mười	Nhà Phương			0,484							-			Không thực hiện
9	Từ nhà Cảnh đến nhà Sung	Nhà Cảnh	Nhà Sung				0,080							-		Không thực hiện

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
10	Từ Miếu đến nhà Dur	Miếu	Nhà Dur					0,220							-	Không thực hiện
11	Từ nhà Minh đến nhà Nhân, Tám, Hiền, Anh	Nhà Minh	Nhà Nhân					0,260							-	Không thực hiện
	Thôn Tú Thủy															
12	Đường liên xóm đội 3 đến cầu N4	Đội 3	cầu N4					0,240							-	Không thực hiện
	Thôn Xuân Mỹ															
13	Từ đường Bê tông đến nhà Hương	Nhà Bình	Nhà Ái					0,100							-	Không thực hiện
14	Từ nhà Dũng đến nhà Tân	Nhà Dũng	Nhà Tân					0,120							-	Không thực hiện
15	Từ nhà Học đến đám Hạnh	Nhà Học	Đám Hạnh					0,090							-	Không thực hiện
16	Từ nhà Dân đến nhà Dân	Nhà Dân	Nhà Dân					0,270							-	Không thực hiện
17	Từ nhà Đồng đến nhà Tường	Nhà Đồng	Nhà Tường					0,045							-	Không thực hiện
18	Từ Vườn Tiên đến nhà Phát, Ngõ én	vườn Tiên	Nhà Phát					0,170							-	Không thực hiện
19	Từ nhà Dũng đến Nhà Chiu, Học sân kho đội 14	Nhà Dũng	Sân kho đội 14					0,160							-	Không thực hiện
	Thôn Tuấn Lễ															
20	Từ nhà Quân đến đường bê tông	Nhà Quân	đường bê tông					0,025							-	Không thực hiện
21	Từ đường bê tông đến nhà Bình, Đức, Trọng, Lang, Sỹ, Tài, Dũng	Đường bê tông	Nhà Dũng					0,200							-	Không thực hiện
22	Từ ngõ Tùng đến ngõ Hải	Ngõ Phước	Ngõ Tho					0,300							-	Không thực hiện
23	Từ ngõ Mẫn, Hòa đến ngõ Tâm, Hướng	Ngõ Mẫn	Ngõ Hướng					0,060							-	Không thực hiện
24	Từ nhà Thảo đến nhà Hoa	Nhà Thảo	Nhà Hoa				0,025							-		Không thực hiện
25	Từ nhà Phước đến nhà Thành	Nhà Phước	Nhà Thành					0,100							-	Không thực hiện
26	Từ đường bê tông đến bờ sen	Đường bê tông	bờ Sen					0,220							-	Không thực hiện
Tổng cộng				15,999	-	2,828	5,632	7,539			6,557	-	0,813	2,831	2,913	

PHỤ LỤC 06**CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020 - THỊ XÃ AN NHƠN (LẦN 02)***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	Xã Nhơn An															
II	Xã Nhơn Phong															
III	Xã Nhơn Hạnh			-	-	-	-	-			0,080	-	-	0,080	-	
1	Tuyến từ giáp đường liên thôn Thanh Mai đến nhà ông Huỳnh Tấn Vinh	-	-	-	-	-	-	-	Giáp đường liên thôn Thanh Mai,	Giáp nhà ông Huỳnh Tấn Vinh				0,080		Bổ sung
IV	Xã Nhơn Phúc															
V	Xã Nhơn Lộc															
VI	Xã Nhơn Thọ															
VII	Xã Nhơn Tân			3,770	1,000	2,770	-	-			2,317	0,924	1,393	-	-	
1	Tuyến từ nhà bà Nguyễn Thị Thành đến trang trại ông Nguyễn Hồng Sơn	nhà bà Nguyễn Thị Thành	trại ông Nguyễn Hồng Sơn			0,120			nhà bà Nguyễn Thị Thành	trại ông Nguyễn Hồng Sơn			-			Không thực hiện
2	Tuyến từ nhà ông Lê Văn Điền đến nhà ông Nguyễn Chí Toàn	nhà ông Lê Văn Điền	nhà ông Nguyễn Chí Toàn			0,100			nhà ông Lê Văn Điền	nhà ông Nguyễn Chí Toàn			0,077			Giảm chiều dài
3	Tuyến đường từ phía sau xóm Bò Cạp đến nhà ông Hà Văn Lùn	từ phía sau xóm Bò Cạp	nhà ông Hà Văn Lùn			0,140			từ phía sau xóm Bò Cạp	nhà ông Hà Văn Lùn			0,121			Giảm chiều dài
4	Tuyến từ đường Hồ Núi Một đến nhà cũ bà Bạch Thị Nga	giáp đường Hồ Núi Một	nhà cũ bà Bạch Thị Nga			0,050			giáp đường Hồ Núi Một	nhà cũ bà Bạch Thị Nga			-			Không thực hiện
5	Tuyến đường từ ngõ nhà ông Trần Vĩnh An đến nhà ông Nguyễn Minh Thành	ngõ ông Trần Vĩnh An	nhà ông Nguyễn Minh Thành			0,050			ngõ ông Trần Vĩnh An	nhà ông Nguyễn Minh Thành			-			Không thực hiện
6	Tuyến từ đường bê tông trước xóm Bò Cạp đến ngõ ông Hồ Văn Thơm	bê tông trước xóm Bò Cạp	ngõ ông Hồ Văn Thơm			0,100			bê tông trước xóm Bò Cạp	ngõ ông Hồ Văn Thơm			-			Không thực hiện
7	Tuyến từ đường bê tông trước xóm Bò Cạp đến nhà ông Nguyễn Văn Thừa	bê tông trước xóm Bò Cạp	nhà ông Nguyễn Văn Thừa			0,035			bê tông trước xóm Bò Cạp	nhà ông Nguyễn Văn Thừa			-			Không thực hiện

8	Tuyến từ đường bê tông xóm Bò Cạp đến nhà ông Phạm Văn Tám	đường bê tông xóm Bò Cạp	nhà ông Phạm Văn Tám			0,120			đường bê tông xóm Bò Cạp	nhà ông Phạm Văn Tám			-			Không thực hiện
9	Tuyến trên ngõ ông Từ Kim Bình đến nhà ông Từ Văn Thông	trên ngõ ông Từ Kim Bình	nhà ông Từ Văn Thông			0,200			trên ngõ ông Từ Kim Bình	nhà ông Từ Văn Thông			0,087			Giảm chiều dài
10	Tuyến từ kênh N4 đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	kênh N4	nhà ông Trần Quốc Tuấn			0,110			kênh N4	nhà ông Trần Quốc Tuấn			0,070			Giảm chiều dài
11	Tuyến từ nhà bà Nguyễn Thị Hôi đến nhà ông Nguyễn Văn Tứ	nhà bà Nguyễn Thị Hôi	nhà ông Nguyễn Văn Tứ			0,060			nhà bà Nguyễn Thị Hôi	nhà ông Nguyễn Văn Tứ			0,044			Giảm chiều dài
12	Tuyến từ đường Quế Châu đến nhà ông Võ Văn Tích	đường xóm Quế Châu	nhà ông Võ Văn Tích			0,045			đường xóm Quế Châu	nhà ông Võ Văn Tích			-			Không thực hiện
13	Tuyến từ kênh N8 đến ngõ ông Võ Hoàng Tình	kênh N8	nhà ông Võ Hoàng Tình			0,100			kênh N8	nhà ông Võ Hoàng Tình			0,071			Giảm chiều dài
14	Tuyến từ đường nhà ông Võ Tài đến nhà ông Lập	nhà ông Võ Tài	nhà ông Lập			0,240			nhà ông Võ Tài	nhà ông Lập			0,213			Giảm chiều dài
15	Tuyến từ nhà ông Huỳnh Kim Nam đến nhà ông Nguyễn Lập	nhà ông Huỳnh Kim Nam	nhà ông Nguyễn Lập			0,370			nhà ông Huỳnh Kim Nam	nhà ông Nguyễn Lập			0,366			Giảm chiều dài
16	Tuyến đường tiếp nối từ nhà ông Võ Tài đến ngõ ông Lê Văn Cát	nhà ông Võ Tài	ngõ ông Lê Văn Cát			0,220			nhà ông Võ Tài	ngõ ông Lê Văn Cát			-			Không thực hiện
17	Tuyến từ nhà ông Dương Kỳ đến nhà ông Huỳnh Văn Chính	nhà ông Dương Kỳ	nhà ông Huỳnh Văn chính			0,180			nhà ông Dương Kỳ	nhà ông Huỳnh Văn chính			0,165			Giảm chiều dài
18	Tuyến từ trước ngõ ông Nguyễn Ngọc Châu đến nhà ông Trần Văn Minh	ngõ ông Nguyễn Ngọc Châu	nhà ông Trần Văn minh			0,050			ngõ ông Nguyễn Ngọc Châu	nhà ông Trần Văn minh			0,045			Giảm chiều dài
19	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Văn Tám chạy xuống giáp nhà ông Nguyễn Văn Phụng và ra giáp bê tông kênh N6	nhà ông Nguyễn Văn Tám	bê tông kênh N6			0,180			nhà ông Nguyễn Văn Tám	bê tông kênh N6			0,134			Giảm chiều dài
20	Tuyến tiếp bê tông nhà ông Lê Nghĩa Sĩ đến trại ông Trương Văn Châu	nhà ông Lê Nghĩa Sĩ	trại ông Trương Văn châu			0,300			nhà ông Lê Nghĩa Sĩ	trại ông Trương Văn Châu			-			Không thực hiện
21	Tuyến từ Quốc lộ 19 đến cầu Phúc Hậu	Quốc lộ 19	cầu Phúc Hậu		1,000				Quốc lộ 19	cầu Phúc Hậu		0,924				Giảm chiều dài
VIII	Nhơn Mỹ			1,702	-	1,026	-	0,676			1,365	-	0,969	-	0,396	
1	Giao thông liên thôn Thiết Tràng	Giáp đường liên thôn	Giáp đường trực chính xã					0,676	Giáp đường liên thôn	Giáp đường trực chính xã					-	Không thực hiện

2	Giao thông nội đồng Tân Đức	Giáp cầu Đình Tân Đức	Giáp kênh thủy lợi N14/7 (giáp đường đi Tây Vinh)			0,966			Giáp cầu Đình Tân Đức	Giáp kênh thủy lợi N14/7 (giáp đường đi Tây Vinh)			0,924			Giảm chiều dài
3	Giao thông ngõ xóm Hòa Phong	Giáp đường bê tông liên thôn	Ngõ ông Trần Mỹ			0,060			Giáp đường bê tông liên thôn	Ngõ ông Trần Mỹ			0,045			Giảm chiều dài
4	Giao thông liên thôn Thiết Tràng (đoạn nối tiếp mở rộng)								Từ ngõ ông Hữu	Ngõ bà Sen					0,201	Bổ sung
5	Giao thông liên thôn Thiết Tràng (đoạn nối tiếp mở rộng)								Từ ngõ bà Cửa	Ngõ ông Hùng					0,195	Bổ sung
IX	Xã Nhon Khánh															
X	Xã Nhon Hậu															
XI	Phường Bình Định															
XII	Phường Đập Đá															
XIII	Phường Nhon Thành															
XIV	Phường Nhon Hưng															
XV	Phường Nhon Hòa			0,038	-	-	0,038	-			0,038	-	0,038	-	-	
1	Nhà ông hạ đến nhà ông kính	Nhà ông hạ	Nhà ông kính				0,038		Nhà ông hạ	Nhà ông kính			0,038			Điều chỉnh từ loại C sang B
Tổng cộng				5,510	1,000	3,796	0,038	0,676			3,800	0,924	2,400	0,080	0,396	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
46	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Hưởng - Ngõ 6 Tèo (V).	Ngõ Hưởng	Ngõ 6 Tèo					0,082								Không thực hiện
47	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Ân - Đường trục (V).	Ngõ Ân - Đường trục					0,040									Không thực hiện
48	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Lê Anh - Ngõ Hùng(P)	Ngõ Lê Anh	Ngõ Hùng				0,056									Không thực hiện
49	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Mương Nam - Ngõ Năm(P)	Mương Nam	Ngõ Năm				0,210									Không thực hiện
50	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến:Vũ Ga - Nhà hàng Xuân Tuyền(P)	Mương Nam	Ngõ Năm			0,420										Không thực hiện
51	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Chùa Liên Tôn - Ngõ Thận(H)	Chùa Liên tôn	Ngõ Thận				0,325									Không thực hiện
52	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Anh - Ngõ Sanh Thái(H)	Ngõ Anh	Ngõ Sanh Thái				0,320									Không thực hiện
53	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngã 3 - Ngõ Việt(H)	Ngã 3	Ngõ Việt					0,097								Không thực hiện
54	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Phần - Ngõ Liêm(H)	Ngõ Phần	Ngõ Liêm				0,120									Không thực hiện
55	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Toàn - Ngõ Hạnh(H)	Ngõ Toàn	Ngõ Hạnh				0,120									Không thực hiện
56	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: BT - Ngõ Qua(H)	BT	Ngõ Qua					0,360								Không thực hiện
57	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Xuân - Ngõ Đường(H)	Ngõ Xuân	Ngõ Đường				0,187									Không thực hiện
58	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Cổng mẫu giáo - Ngõ Bích(H)	Cổng mẫu giáo	Ngõ Bích					0,011								Không thực hiện
VIII	Xã Cát Trinh			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
IX	Xã Cát Hưng			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
X	xã Cát Minh			-	-	-	-	-			1,850	-	0,855	0,520	0,475	
1	Tuyến Nguyễn Thị Nhiễm đến Trần Công Kính								Nguyễn Thị Nhiễm	Trần Công Kính					0,100	Bổ sung
2	Tuyến từ Nguyễn Thị Thời đến Nguyễn Thị Nhạn đến Châu Hậu								Nguyễn Thị Thời	Châu Hậu					0,250	Bổ sung
3	Tuyến từ Gò chùa đến Trần Quốc								Gò chùa	Trần Quốc					0,125	Bổ sung
4	Tuyến từ Nguyễn Minh Khánh đến giáp Đê sông								Nguyễn Minh Khánh	Đê sông				0,100		Bổ sung
5	Bê tông An Tài đến Nguyễn Tấn Thành								Bê tông An Tài	Nguyễn Tấn Thành				0,080		Bổ sung
6	Bê tông An Trị đến Nguyễn Văn Thuận								Bê tông An Trị	Nguyễn Văn Thuận				0,150		Bổ sung
7	Bê tông Trung Bình đến Qua Thị Hậu								Bê tông Trung Bình	Qua Thị Hậu				0,100		Bổ sung
8	Bê tông Trung Thiện đến Lê Kim Ngọc								Bê tông Trung Thiện	Lê Kim Ngọc				0,040		Bổ sung
9	DT633 đến hồ Hóc Huy								Mương SK4	Hồ hóc Huy			0,705			Bổ sung

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
10	Bùi Văn Thành đến Võ Thị Thanh Nga								Bùi Văn Thành	Võ Thị Thanh Nga			0,150			Bổ sung
11	Nguyễn Thị Thúy đến Trần văn Bình								Nguyễn Thị Thúy	Trần Văn Bình				0,050		Bổ sung
XI	xã Cát Hiệp			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XII	xã Cát Hải			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XIII	xã Cát Hanh			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XIV	xã Cát Nhơn			0,829	0,670	-	0,159	-			-	-	-	-	-	
1	Từ đường trục khu kinh tế đến giáp xã Nhơn Phong	Đường trục khu kinh tế	Giáp xã Nhơn Phong		0,670											Không thực hiện
2	Từ ngã 3 đến nhà ông Hồ Trọng Đức	Ngã 3	nhà ông Hồ Trọng Đức				0,159									Không thực hiện
XV	xã Cát Tường			-	-	-	-	-			0,700	0,700	-	-	-	
1	Đường BTXM GTNT xã Cát Tường								Thánh thất	Chùa Tường Quang		0,700				Bổ sung
XVI	xã Cát Khánh															
XVII	xã Cát Chánh															
Tổng cộng				22,025	0,670	1,620	11,461	8,274			6,276	0,700	4,581	0,520	0,475	

PHỤ LỤC 08
CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020 - HUYỆN VÂN CANH (LẦN 02)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	
I	Xã Canh Vinh			1,376	-	1,376	-	-			1,280	-	1,280	-	-	
1	Tuyến đường vào Nghĩa trang nhân dân thôn An Long1 + An Long 2	Đường vào Nghĩa trang Liệt sĩ	Nghĩa trang nhân dân An Long1 + An Long 2			0,610			Đường vào Nghĩa trang Liệt sĩ	Nghĩa trang nhân dân An Long1 + An			0,591			Giảm chiều dài
2	Tuyến từ ngõ An đến ngõ Đạt	Ngõ An	Ngõ Đạt			0,075			Ngõ An	Ngõ Đạt			0,074			Giảm chiều dài
3	Tuyến từ ngã ba ông Chí đến nhà ông Thẩn	Ngã ba ông Chí	Nhà ông Thẩn			0,071			Ngã ba ông Chí	Nhà ông Thẩn			0,069			Giảm chiều dài
4	Tuyến vào nghĩa trang nhân dân thôn Kinh Tế và Tân Vinh	Đường bê tông	Nghĩa trang nhân dân thôn Kinh Tế và Tân Vinh			0,620			Đường bê tông	Nghĩa trang nhân dân thôn Kinh Tế và Tân			0,546			Giảm chiều dài
II	Xã Canh Hiên			0,877	-	0,877	-	-			0,861	-	0,861	-	-	
1	Đường từ ngã ba đến khu đất gò giữa	Ngã ba lên gò giữa	Cầu gò giữa			0,877			Ngã ba lên gò giữa	Cầu gò giữa			0,861			Giảm chiều dài
III	Xã Canh Hiệp			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
IV	Thị trấn Vân Canh			0,870	-	0,870	-	-			0,375	-	0,375	-	-	
1	Bê tông xi măng đường từ nhà ông Trọng đến nhà ông 3 Hòa	Nhà ông Trọng	Nhà ông 3 Hòa			0,250							-			Không thực hiện
2	Bê tông xi măng đường từ nhà bà Hiếu đến nhà ông Minh	Nhà bà Hiếu	Nhà ông Minh			0,270			Nhà bà Hiếu	Nhà ông Minh			0,093			Giảm chiều dài
3	Bê tông xi măng đường từ nhà ông Phím đến nhà ông Sơn	Nhà ông Phím	Ngã 3 suối đước			0,350			Nhà ông Phím	Nhà ông Sơn			0,282			Điều chỉnh tên danh mục và giảm chiều dài
V	Xã Canh Thuận			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VI	Xã Canh Hòa			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VII	Xã Canh Liên			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VII I	Ban QLDA ĐT&XD huyện			2,000	-	2,000	-	-			1,300	-	1,300	-	-	
1	Đường giao thông làng Canh Giao xã Canh Hiệp	Giáp đường BTXM xã Canh Hiệp	Suối Vực Sậy			2,000			Giáp đường BTXM xã Canh Hiệp	Suối Vực Sậy			1,300			Giảm chiều dài
Tổng cộng				5,123	-	5,123	-	-			3,816	-	3,816	-	-	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	
10	Đường BTXM tuyến từ nhà ông Đại đến nhà ông Mây							0,090							0,060	Giảm chiều dài
	Thôn 11															
11	Tuyến nhà ông Thái Văn Rô đến nhà ông Trương Bá Lũy						0,300							-		Không thực hiện
V	Xã Mỹ Cát															
VI	Xã Mỹ Châu			5,280	-	0,800	4,480	-			0,420	-	-	0,260	0,160	
	Thôn: Lộc Thái															
1	BTXM tuyến từ nhà ông Thanh đến nhà ông Nam	Nhà ông Thanh	Nhà ông Nam				0,400							-		Không thực hiện
2	BTXM tuyến từ nhà ông Trung đến nghĩa địa	Nhà ông Trung	Nghĩa địa				0,400							-		Không thực hiện
	Thôn: Vạn An													-		Không thực hiện
3	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1A đến nhà ông Võ+Thanh	Quốc lộ 1A	nhà ông Võ+Thanh				0,150							-		Không thực hiện
4	BTXM tuyến từ nhà ông Chiến đến nhà ông Xuyên	nhà ông Chiến	nhà ông Xuyên				0,100							-		Không thực hiện
5	BTXM tuyến từ nhà ông Chim đến nhà ông Kim	nhà ông Chim	nhà ông Kim				0,100							-		Không thực hiện
6	BTXM tuyến từ nhà ông Lộc đến nhà ông Mến	nhà ông Lộc	nhà ông Mến				0,100							-		Không thực hiện
7	BTXM tuyến từ nhà bà Trọ đến nhà kho	nhà bà Trọ	nhà kho				0,100							-		Không thực hiện
8	BTXM tuyến từ nhà bà Hương đến nhà bà Phương	nhà bà Hương	nhà bà Phương				0,100							-		Không thực hiện
9	BTXM tuyến từ nhà 3 Kỳ đến cuối xóm	nhà 3 Kỳ	cuối xóm				0,100							-		Không thực hiện
10	BTXM tuyến từ nhà ông Khải đến nhà ông Thanh	nhà ông Khải	nhà ông Thanh				0,150							-		Không thực hiện
	Thôn: Vạn Thiết													-		Không thực hiện
11	BTXM tuyến từ nhà ông Mai đến nhà ông Phẩm	Nhà ông Mai	Nhà ông Phẩm				0,100							-		Không thực hiện
	Thôn: Mỹ Trang													-		Không thực hiện
12	BTXM tuyến từ nhà bà Chung đến nhà bà Huân	Nhà bà Chung	Nhà bà Huân				0,120							-		Không thực hiện
13	BTXM tuyến từ nhà ông Chín đến nhà ông Ca	Nhà ông Chín	Nhà ông Ca				0,150							-		Không thực hiện
14	BTXM tuyến từ kho đội 10 đến nhà ông Vương	Kho đội 10	Nhà ông Vương				0,100							-		Không thực hiện
15	BTXM từ nhà ông Chín đến nhà ông Lại													0,060		Bổ sung
	Thôn: Quang Nghiễm															
16	BTXM tuyến từ nhà Thảo đến nhà Tuấn	Nhà Thảo	Nhà Tuấn			0,500							-			Không thực hiện
17	BTXM tuyến từ mạch mới đến sở ông Trang	Mạch mới	Sở ông Trang			0,300							-			Không thực hiện
18	BTXM tuyến từ cổng bà Thiện giáp nhà ông Tin	Cổng bà Thiện	Nhà ông Tin				0,400							-		Không thực hiện
19	BTXM tuyến từ nhà ông Quốc giáp nhà ông Khánh	Nhà ông Quốc	Nhà ông Khánh				0,300							-		Không thực hiện
20	BTXM tuyến từ đường bê tông giáp nhà ông Trường	Đường bê tông	Nhà ông Trường				0,300							-		Không thực hiện
	Thôn: Trà Thung													-		Không thực hiện
21	BTXM tuyến từ đường bê tông đến đất bà Ninh	đường bê tông	đất bà Ninh				0,300							-		Không thực hiện
22	BTXM tuyến từ đường bê tông đến miếu bà	đường bê tông	miếu bà				0,180							-		Không thực hiện
23	BTXM tuyến từ đường bê tông đến đất bà Ngọc	đường bê tông	đất bà Ngọc				0,170							-		Không thực hiện

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	
24	BTXM tuyến từ nhà bà Loan đến đất ông Nhanh	nhà bà Loan	ông Nhanh				0,140							-		Không thực hiện
25	BTXM tuyến từ nhà hợp đội 4 đến nhà ông Thao + Long	nhà hợp đội 4	nhà ông Thao + Long				0,220							-		Không thực hiện
	Thôn: Vạn Lương													-		Không thực hiện
26	BTXM tuyến từ nhà ông Hoa đến nhà bà Bảy	nhà ông Hoa	nhà bà Bảy				0,150							-		Không thực hiện
27	BTXM tuyến từ nhà bà Kiều - Quang đến nhà bà Châu - Toán	nhà bà Kiều - Quang	nhà bà Châu - Toán				0,150							-		Không thực hiện
28	BTXM từ nhà ông 3 Long đến nhà ông Tung													0,200		Bổ sung
29	BTXM từ nhà ông Đặng Giữ đến nhà Ông Trần Văn Mai														0,080	Bổ sung
30	BTXM từ nhà ông Đặng Hồng Hạnh đến nhà bà Nông														0,080	Bổ sung
VII	Xã Mỹ Hòa			-	-	-	-	-			0,400	-	-	0,400	-	
	Thôn An Lạc 2															
1	BTXM tuyến từ nhà mẹ ông Châu đến đập Bà Oai													0,400		Bổ sung
VIII	Xã Mỹ Chánh Tây															
IX	Xã Mỹ Quang															
X	Xã Mỹ Hiệp			0,668	-	-	0,668	-			0,445	-	-	0,445	-	
1	Đường BTXM từ Nhà văn hóa đến nhà ông Trung thôn Vạn Lộc	Nhà văn hóa thôn	Nhà ông Trung				0,447							0,445		Giảm chiều dài
	THÔN VẠN LỘC															
2	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Ngọc	Đường BTXM	Đường BTXM				0,221							-		Không thực hiện
XI	Thị trấn Phù Mỹ			1,817	-	-	1,742	0,075			3,175	-	2,718	0,457	-	
	Khu phố Diêm Tiêu															
1	Tuyến BTXM từ đường Phan Đình Giót đi Chùa Phước Lâm, Khu phố Diêm Tiêu	Đường Phan Đình Giót	Chùa Phước Lâm				0,500							0,269		Giảm chiều dài
2	Tuyến BTXM từ nhà bà Hãnh đi nhà ông Hoa	Nhà bà Hãnh	Nhà ông Hoa				0,200							-		Không thực hiện
	Khu phố Trà Quang Nam															
3	Tuyến BTXM từ nhà ông Hải đến nhà Ông Đạt	Nhà ông Hải	Nhà ông Đạt				0,160							-		Không thực hiện
4	BTXM từ nhà ông Sợi-Đường Trần Phú, khu phố Trà Quang Nam.	Nhà ông Sợi	Đường Trần Phú					0,075							-	Không thực hiện
	Khu phố An Lạc Đông 2															
5	Tuyến BTXM nhà ông An đến nhà bà Thông	Nhà ông An	Nhà bà Thông				0,300							-		Không thực hiện
6	Tuyến BTXM từ nhà ông Sô-Nhà bà Bình	Nhà ông Sô	Nhà bà Bình				0,380							-		Không thực hiện
7	Tuyến BTXM từ đường Chu Văn An-Nhà ông Tuyến	Đường Chu Văn An	Nhà ông Tuyến				0,075							-		Không thực hiện
8	Tuyến BTXM nhà ông Định đến Miếu	Nhà ông Định	Miếu				0,127							-		Không thực hiện
9	Tuyến BTXM từ nhà ông Ý đến nhà bà Lành								Ông Ý	Nhà bà Lành				0,062		Bổ sung
10	Tuyến BTXM từ đường 3 tháng 2 đến nhà bà Biên								Đường 3 tháng 2	Nhà cô Biên			0,638			Bổ sung

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	
11	Tuyến BTXM từ Đồng Me đến Đường Tránh Quốc lộ 1A								Đồng Me	Đường tránh Quốc lộ 1A			0,399			Bổ sung
12	Tuyến BTXM từ nhà ông Trung đến cụm điều tiết nước kênh N1								Nhà ông Trung	Kênh N1			0,905			Bổ sung
13	Tuyến BTXM từ đường Hai Bà Trưng đi nhà bà Miên								Đường Hai Bà Trưng	Nhà bà Miên				0,126		Bổ sung
14	BTXM từ nhà ông Triều đến cụm công nghiệp Diêm Tiêu								Nhà ông Triều	Cụm công nghiệp Diêm Tiêu			0,776			Bổ sung
XII	Thị trấn Bình Dương			0,285	-	-	0,285	-			-	-	-	-	-	
1	Các tuyến đường khu phố DL Tây năm 2020						0,285							-		Không thực hiện
XIII	Xã Mỹ Trinh															
XIV	Xã Mỹ An			0,620	-	0,620	-	-			0,615	-	0,615	-	-	
1	BTXM từ ngã ba nhà ông Nhanh đến nhà ông Út					0,620							0,615			Giảm chiều dài
XV	Xã Mỹ Lợi			0,360	0,360	-	-	-			0,917	0,230	0,687	-	-	
1	BTXM tuyến đường từ Gò Lao giáp An Hòa	Gò Lao	An Hòa		0,360							0,230				Giảm chiều dài
2	Đường BTXM tuyến từ ĐT 632 đi giáp đường Chùa Giác Sanh đi Mỹ Phong												0,687			Bổ sung
XVI	Xã Mỹ Phong			0,520	-	-	0,520	-			0,160	-	-	0,160	-	
1	Đường BTXM ngõ xóm thôn Văn Trường chiều dài: 520m, trong đó:(Đoạn từ Nhà ông Cường đến nhà ông Viễn dài 100m, Đoạn từ Nhà ông Quang đến nhà ông Trung dài 60m, Đoạn từ Nhà ông Phu đến nhà ông Lư dài 360m).						0,520							0,160		Giảm chiều dài
XVII	Xã Mỹ Chánh			1,031	-	-	0,095	0,936			0,695	-	0,500	0,195	-	
	Thôn Chánh Thiện															
1	Đường từ trường THCS đến nhà bà Mật	trường THCS	nhà bà Mật				0,095							0,195		Tăng chiều dài
	Thôn Công Trung															
2	Đường từ nhà ông Trần Đạt đến nhà ông Đông	nhà ông Đạt	nhà ông Đông					0,295							-	Không thực hiện
	Thôn Thái An															
3	Đường từ mương bê tông đến nhà ông Nam	mương bê tông	nhà ông Nam					0,056							-	Không thực hiện
	Thôn An Lương															
4	Đường từ nhà ông Lý đến nhà ông Thanh							0,085							-	Không thực hiện
	Thôn An Xuyên 3															
5	Đường từ nhà ông Cư đến đê sông La Tinh	nhà ông Cư	sông La Tinh					0,140					0,140			Chuyển từ D sang B

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	
6	Đường từ nhà ông Long đến đê sông La Tinh	nhà ông Long	sông La Tinh					0,360					0,360			Chuyển từ D sang B
XVIII	Xã Mỹ Thành			3,790	-	0,367	2,018	1,405			1,196	-	0,050	0,758	0,388	
1	BTXM từ nhà ông Hòa đến nhà ông Hoàn	Nhà ông Hòa	Nhà ông Hoàn			0,367							0,050			Giảm chiều dài
2	BTXM từ nhà ông Ân đến nhà bà Chung	Nhà ông Ân	Nhà bà Chung				0,539							0,394		Giảm chiều dài
3	BTXM từ Cầu Cao đến nhà ông An	Cầu Cao	Nhà ông An				0,565							-		Không thực hiện
4	BTXM từ Lê Thị Mai đến Trần Ngọc Châu	Nhà và Lê Thị Mai	Nhà ông Trần Ngọc Châu				0,514							0,364		Giảm chiều dài
5	BTXM từ trạm điện đến nhà ông Mạnh	Trạm điện	Nhà ông Mạnh				0,400							-		Không thực hiện
6	BTXM từ nhà ông Võ Hùng Đôn đến nhà ông Toàn	Nhà ông Võ Hùng Đôn	Nhà ông Toàn					0,441							0,231	Giảm chiều dài
7	BTXM từ nhà bà Giang đến nhà ông Thuận	Nhà bà Giang	Nhà ông Thuận					0,314							-	Không thực hiện
8	BTXM từ nha ông Long đến nhà Nguyễn Thị Hà	Nhà ông Long	Nhà Nguyễn Thị Hà					0,650							0,157	Giảm chiều dài
XIX	Xã Mỹ Thọ			1,469	-	-	0,250	1,219			-	-	-	-	-	
	Thôn Cát Tường															
1	Tuyến đường từ nhà ông Lại đến nhà ông Thập							0,102							-	Không thực hiện
2	Tuyến đường từ nhà ông Bá đến nhà ông Trọng							0,096							-	Không thực hiện
3	Tuyến đường từ nhà ông Du đến nhà ông Hiệp							0,090							-	Không thực hiện
4	Tuyến đường từ nhà ông Giá đến nhà ông Dũng							0,085							-	Không thực hiện
	Thôn Chánh Đạo															
5	Tuyến đường từ nhà ông Hóa đến nhà bà Nguyệt							0,130							-	Không thực hiện
6	Tuyến đường từ nhà ông Tân đến nhà ông Hiếu							0,135							-	Không thực hiện
	Thôn Chánh Trạch 3															
7	Tuyến đường từ nhà ông Huyền đến nhà ông Giảng						0,250							-		Không thực hiện
	Thôn Chánh Tường															
8	Tuyến đường từ nhà bà Thắm đến nhà ông Niềm							0,060							-	Không thực hiện
	Thôn Chánh Trục															
9	Tuyến đường từ nhà ông Phàn đến nhà ông Chính							0,069							-	Không thực hiện
	Thôn Đại Lương															
10	Tuyến đường từ nhà ông Quốc đến nhà ông Trường							0,052							-	Không thực hiện
11	Tuyến đường từ nhà ông Lợi đến nhà ông Vinh							0,068							-	Không thực hiện
12	Tuyến đường từ nhà ông Cải đến nhà ông Thung							0,066							-	Không thực hiện
13	Tuyến đường từ nhà ông Lập đến nhà ông Bình							0,143							-	Không thực hiện
14	Tuyến đường từ nhà ông Đường đến nhà ông Khánh							0,051							-	Không thực hiện
	Thôn Chánh Trạch 1															
15	Tuyến đường từ nhà ông Sừ đến nhà ông Vòn							0,072							-	Không thực hiện
Tổng cộng				19,350	0,360	3,387	11,878	3,725			9,717	0,230	6,174	2,705	0,608	

TT	Danh mục	Đã được phê duyệt							Điều chỉnh, bổ sung (lần 02)							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài	A	B	C	D	